

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 844/2022/HC-PT

Ngày: 11 - 10 - 2022

V/v Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất
đai thuộc trường hợp huỷ giấy chứng
nhận quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Ông Phan Tô Ngọc

Ông Nguyễn Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Thanh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 431/2022/TLPT-HC ngày 02 tháng 8 năm 2022 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai thuộc trường hợp huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 49/2021/HC-ST ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1947/2022/QĐ-PT ngày 23 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Trần Mỹ L, sinh năm 1961.

Địa chỉ: ấp C, xã C1, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Võ Công D, sinh năm 1960. (có mặt)

Địa chỉ: khu phố 2, thị trấn thứ 11, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Quang H - Chức vụ: Chủ tịch.
(có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/. Bà Võ Thị Cẩm B, sinh năm 1987.

2/. Ông Võ Chí L, sinh năm 1989.

3/. Ông Võ Chí Th, sinh năm 1994.

4/. Ông Võ Chí M, sinh năm 1998.

5/. Ông Võ Sĩ T, sinh năm 1977.

6/. Bà Võ Thị Thanh H, sinh năm 1985.

Cùng địa chỉ: ấp C, xã C1, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà B, ông L, ông Th, ông M, ông T, bà H: Ông Võ Công D, sinh năm 1960. (có mặt)

Địa chỉ: khu phố 2, thị trấn thứ 11, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

- *Người kháng cáo:* Ủy ban nhân dân thành phố P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ kiện, người khởi kiện bà Trần Mỹ L và người đại diện ông Võ Công D trình bày:

Năm 1987 vợ chồng bà Trần Mỹ L và ông Võ Chí D (ông D đã chết năm 1999) có khai hoang một khu đất tại ấp C, xã C1, huyện P (nay là thành phố P) tỉnh Kiên Giang.

Năm 1996, ông Võ Chí D được UBND huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 200.000m² thuộc thửa đất số 36, tờ bản đồ số 6.

Năm 1998, ông D xin cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 08/7/1999 ông D được Ủy ban nhân dân huyện P cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 33.523m², cũng thuộc thửa đất số 36, tờ bản đồ số 06 không kèm sơ đồ bản vẽ vị trí cấp đất, thời điểm này ông D đã chết được 07 tháng (ông D chết ngày 10/01/1999). Do không hiểu biết pháp luật và nghĩ rằng bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1996 gia đình vẫn giữ nên bà L cứ đợi Ủy ban nhân dân huyện P cấp bổ sung.

Năm 2017, bà L có làm đơn khiếu nại việc UBND huyện P không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần diện tích đất còn lại cho gia đình bà. UBND huyện P đã nhận đơn, kiểm tra, xác minh nhưng không có văn bản giải quyết khiếu nại. Tháng 6/2020 có đoàn cán bộ thuộc Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P cùng 08 người dân đến khu đất của gia đình bà L nói làm thủ tục giao đất. Bà L không đồng ý và đứng ra tranh cản.

Sau đó bà L được người của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P giao cho Quyết định số 3048/QĐ-UBND ngày 27/6/2020 của UBND huyện P về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I00621/QSDĐ/QĐ/190/PQ đã cấp cho ông Võ Chí D.

Bà L không đồng ý với Quyết định số 3048/QĐ-UBND và làm đơn khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 3048/QĐ-UBND vì xâm phạm đến quyền và lợi

ích hợp pháp của gia đình bà L.

Trong giai đoạn bà L khiếu nại tại UBND huyện P, bà L có nhận được bản sao của biên bản cuộc họp ngày 20/6/2018 về việc giải quyết khiếu nại của bà L.

Tại biên bản này UBND huyện P cho rằng năm 1997 do không có khả năng nộp thuế nên bà L và ông D đã trả lại diện tích đất $87.762,5\text{m}^2$ cho nhà nước quản lý nhưng không có đơn trả đất. Trong diện tích đất 200.000m^2 được cấp ông D không sử dụng hết mà chỉ sử dụng $127.877,7\text{m}^2$. Trừ phần diện tích đất trả cho nhà nước năm 1997 thì gia đình ông D còn quản lý, sử dụng ổn định $40.115,3\text{m}^2$.

Tại đơn trình bày ngày 20/4/2003 bà L có nêu: Diện tích đất 200.000m^2 gia đình bà cùng ông Trần Như Kh khai khẩn và trồng đào từ năm 1989 mãi cho đến khi nhà nước bắt đầu thu thuế đất trồng đào thì hoàn cảnh gia đình bà lâm vào khó khăn nên bà đành phải trả lại một số trong điền thổ của gia đình bà cho ông Kh cùng với các con là Võ Sĩ T và Võ Anh T1 canh tác. Bà L không có giao trả đất cho nhà nước. Việc UBND huyện P xác định gia đình bà sử dụng ổn định $40.115,3\text{m}^2$ đã không phù hợp nhưng khi cấp lại chỉ cấp $33.523,3\text{m}^2$ không sơ đồ vị trí, cũng không biết lý do vì sao chỉ cấp bao nhiêu trong khu đất đến thời điểm hiện nay gia đình bà vẫn đang quản lý, sử dụng.

Từ trước đến nay gia đình bà chưa nhận được bất kỳ Quyết định thu hồi đất nào của UBND huyện P, nay UBND huyện P căn cứ vào việc cấp đổi giấy năm 1999 diện tích $33.523,3\text{m}^2$ mà hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông D vào năm 1996 là không phù hợp.

Trong quá trình giải quyết vụ kiện, UBND thành phố P có ý kiến trình bày tại Văn bản số 482/UBND-NCPC ngày 07/6/2021 như sau:

Nguồn gốc diện tích đất $127.877,7\text{m}^2$ (theo sự hướng dẫn đo đạc của gia đình bà Trần Mỹ L) tại ấp C2 (nay là ấp C), xã C1, huyện P, tỉnh Kiên Giang: năm 1987 gia đình ông Võ Chí D (vợ là bà Trần Mỹ L) khai phá sử dụng cất nhà ở và trồng cây lâu năm. Năm 1993 gia đình ông D kê khai đo đạc với diện tích là 200.000m^2 và được UBND huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 00621/QSĐĐ/QĐ 190/PQ thuộc thửa số 36 tờ bản đồ số 6 với diện tích 200.000m^2 trong đó cấp chính thức là 30.000m^2 tạm cấp là 170.000m^2 (không thể hiện ngày, tháng, năm cấp). Tuy nhiên gia đình ông D không sử dụng hết diện tích đất mà chỉ sử dụng khoảng $127.877,7\text{m}^2$ đất, gồm 2 phần:

+ Phần thứ nhất có diện tích $40.115,3\text{m}^2$ đất gia đình ông D sử dụng ổn định cất nhà ở, trồng tiêu, đào...

+ Phần thứ hai có diện tích $87.762,4\text{m}^2$ đất gia đình ông D trồng đào rải rác. Đến năm 1997 do không có khả năng nộp thuế đất nông nghiệp nên ông D đã trả lại đất cho nhà nước quản lý và phần đất trên bỏ hoang không ai canh tác (bà Trần Mỹ L thừa nhận tại đơn trình bày ngày 20/4/2003 và biên bản ngày 11/7/2007).

Năm 1998, gia đình ông Võ Chí D đăng ký cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 36, tờ bản đồ số 06; đến ngày 08/7/1999 Ủy ban nhân dân huyện

P cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (giấy xanh) diện tích 33.523m², diện tích đất thực tế gia đình ông D sử dụng. Tuy nhiên sau khi cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gia đình ông D không giao nộp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I00621/QSDĐ/QĐ 190/PQ; mặt khác tại thời điểm này gia đình ông D cũng không khiếu nại việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số QSE thửa đất số 36, tờ bản đồ số 06.

Năm 2001-2003 do phần đất trên không ai sử dụng nên 08 hộ (có danh sách kèm theo) vào đây khai phá sử dụng trồng tràm và rào lại với tổng diện tích 84.000m² (nằm trong tổng diện tích 87.762,5m² đất). Tuy nhiên trên phần đất này vẫn còn sót lại một số cây đào của gia đình ông D trồng trước đây. Năm 2007 Nhà nước sử dụng phần diện tích đất nêu trên để xây dựng khu tái định cư cho các hộ dân bị giải tỏa thuộc dự án xây dựng nhà máy điện DIEZEL P.

Ngày 20/8/2007, UBND tỉnh Kiên Giang ban hành Quyết định số 1535/QĐ-UBND về việc thu hồi đất, giao cho UBND huyện P quản lý để thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng, thực hiện giao đất cho các hộ dân bị giải tỏa di dời thuộc dự án xây dựng nhà máy điện DIESEL P tại ấp C, xã C1, huyện P với diện tích 84.000m².

Thực hiện Quyết định nêu trên, huyện tiến hành lập phương án bồi thường theo quy định, trong quá trình lập phương án các cơ quan chức năng có mời bà Trần Mỹ L để xác định nguồn gốc đất và tổ chức họp dân đối với phần đất xây dựng khu tái định cư, trong đó xác định phần đất trên do ông D đã trả lại đất cho Nhà nước vào năm 1997, sau đó các hộ dân vào bao chiếm nên số cây đào còn lại thì bồi thường cho gia đình ông D và bà L đã thống nhất ký vào biên bản (có biên bản ngày 11/7/2007 và ngày 21/11/2007).

Ngày 19/10/2007, UBND huyện P ban hành Quyết định thu hồi đất của 08 hộ dân (có danh sách kèm theo) để thực hiện dự án.

Ngày 21/3/2008, UBND huyện P ban hành Quyết định số 445/QĐ-UB ngày 21/3/2008 về việc phê duyệt phương án bồi thường hoa màu vật kiến trúc cho các hộ dân bị giải tỏa, di dời thuộc dự án xây dựng nhà máy điện DIESEL P; theo phương án được phê duyệt thì hộ bà L được bồi thường cây đào (số lượng 124 cây) với tổng số tiền là 24.800.000 đồng và bà L đã nhận tiền bồi thường (có biên bản giao nhận tiền ngày 18/6/2008).

Năm 2016, gia đình bà Trần Mỹ L vào khu vực phần diện tích 87.762,5m² đất lên liếp sử dụng vì cho rằng phần diện tích đất trên gia đình bà đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (nằm trong diện tích 200.000m²).

Ngày 24/6/2017, UBND xã C1 có Tờ trình số 33/TTr-UBND về việc gia đình bà L cho xe móc mương, lên liếp khu vực giao đất cho các hộ dân bị giải tỏa, trong đó xác định hiện nay gia đình bà L đang có 02 giấy nhận quyền sử dụng đất tại khu vực này.

Việc gia đình ông Võ Chí D (vợ là bà Trần Mỹ L) đã trả đất vào năm 1997 và đã được UBND huyện P cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1999 nhưng gia đình ông D không giao nộp lại giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất số I 00621 QSDĐ/QĐ190/PQ thửa đất số 6, diện tích 200.000m² là không phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành của Luật đất đai năm 2013.

Việc UBND huyện P ban hành Quyết định số 3048/QĐ-UBND ngày 27/6/2019 về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I00621 QSDĐ/QĐ/190/PQ đã cấp cho ông Võ Chí D là phù hợp theo quy định tại khoản 7 Điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành của Luật đất đai năm 2013.

Từ những cơ sở nêu trên đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của bà Trần Mỹ L.

Mặt khác, TAND tỉnh Kiên Giang cần xem xét lại thời hiệu khởi kiện của bà Trần Mỹ L (bà Trần Mỹ L đã nhận Quyết định số 3048/QĐ-UBND ngày 01/7/2019 Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang thụ lý ngày 19/10/2020).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Sĩ T và bà Võ Thị Thanh H xác định: Ông T và bà H là con của ông D, bà Trần Mỹ L là vợ sau của ông D, diện tích đất ông D được cấp giấy và bà L đang khiếu nại bà L được toàn quyền quyết định, ông T và bà H từ chối tham gia tố tụng trong vụ kiện.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Cẩm B, Võ Chí L, Võ Chí Th, Võ Chí M là con của ông D, bà L đã ủy quyền cho ông Võ Công D tham gia tố tụng, đứng về phía bà L và không trình bày gì thêm.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 49/2021/HC-ST ngày 06 tháng 12 năm 2021, Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 30, 32, 116, 158, 164, 194 của Luật Tổ tụng Hành chính năm 2015; Luật Đất đai 2013, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Mỹ L.

Hủy Quyết định số 3048/QĐ-UBND ngày 27/6/2019 của UBND huyện P (nay là thành phố P) về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I00621 QSDĐ/QĐ190/PQ đã cấp cho ông Võ Chí D.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 24/12/2021, người bị kiện UBND huyện P kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo pháp luật của UBND huyện P trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Mỹ L.

Đại diện theo ủy quyền của bà Trần Mỹ L và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người bị kiện; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Hội đồng xét xử phúc thẩm và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Gia đình ông Võ Chí D được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 200.000m² nhưng ghi nội dung cấp chính thức chỉ 30.000m²; còn lại 170.000m² được cấp tạm thời để sử dụng. Quá trình kiểm tra hiện trạng đất để thực hiện dự án, bà L có lời khai xác định không bán cho ông Kh mà trả lại cho Nhà nước; như vậy bà L đã khẳng định ý chí với chính quyền về việc đã trả lại đất. UBND huyện P cấp giấy diện tích 33.523,3m² là đúng với diện tích đất gia đình ông D, bà L sử dụng thực tế; đã có lợi hơn cho gia đình bà L. Từ năm 1998, bà L đã được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng bà L không khiếu nại nên đã hết thời hiệu khiếu nại. Tòa sơ thẩm nhận định UBND thành phố P chưa giải quyết khiếu nại mà đã hủy giấy chứng nhận là không có cơ sở. Việc diện tích đất sử dụng các lần đo khác nhau do bà L chỉ ranh không đúng; không phải do lỗi của UBND thành phố P. Hiện nay diện tích đất bà L khiếu nại đã được thu hồi để thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng, giao đất cho các hộ dân giải tỏa di dời thuộc dự án xây dựng nhà máy điện DIESEL P. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người bị kiện; sửa án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Mỹ L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của UBND thành phố P làm trong thời hạn luật định, được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Trần Mỹ L khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 3048/QĐ-UBND ngày 27/6/2019 của UBND huyện P (nay là thành phố P) về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I00621 QSDĐ/QĐ190/PQ đã cấp cho ông Võ Chí D. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 3048/QĐ-UBND ngày 27/6/2019 và trình tự, thủ tục hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I00621 QSDĐ/QĐ190/PQ của UBND thành phố P có đúng quy định pháp luật hay không.

[2.2] Theo Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai 2013 thì có 04 trường hợp được phép thu

hồi, huỷ bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp gồm: huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã bị mất (Điều 77); không nộp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới khi chuyển quyền sử dụng đất (Điều 82); không giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong trường hợp thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Điều 87); huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất... (Điều 65).

[2.3] Người bị kiện UBND huyện P thừa nhận năm 1996, UBND huyện P (nay là thành phố P) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 00621/QSDĐ/QĐ190/PQ cho hộ gia đình ông Võ Chí D, bà Trần Mỹ L thửa đất số 36, tờ bản đồ số 6, diện tích 200.000m². Tuy nhiên, UBND huyện P cho rằng năm 1997, gia đình ông D, bà L đã trả lại 01 phần đất, chỉ còn sử dụng 01 phần hiện có thành quả trên đất gồm nhà và cây lâu năm; vì vậy năm 1998, gia đình ông D, bà L đăng ký kê khai lại thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 33.523m² là diện tích đất thực tế gia đình ông D sử dụng. Do hiện nay gia đình bà L không nộp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 00621/QSDĐ/QĐ190/PQ nên ngày 27/6/2019, UBND huyện P ban hành Quyết định số 3048/QĐ-UBND thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên.

[2.4] Bà L thừa nhận trong diện tích 200.000m² gia đình bà L đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trước đây, gia đình bà có trả lại 01 phần do không có điều kiện đóng thuế; tuy nhiên bà trả cho gia đình ông Trần Như Kh là người cùng có công khai phá với gia đình bà; không phải trả cho Nhà nước. Sau đó, gia đình bà vẫn trồng đào, sử dụng phần diện tích đất 169.835m² từ trước đến nay (theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án ngày 10/12/2020). Bà L cho rằng do phần diện tích đất không được cấp đổi lại (ngoài diện tích 33.523m²) vẫn nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 00621/QSDĐ/QĐ190/PQ gia đình bà đã được cấp nên bà vẫn quản lý, sử dụng; đến năm 2017 khi bà yêu cầu được cấp đổi toàn bộ diện tích đất đang sử dụng nhưng UBND thành phố P không thực hiện nên đã khiếu nại.

[2.5] Xét thấy, UBND thành phố P cho rằng ông D, bà L đã trả lại cho Nhà nước diện tích đất 87.762,5m² nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ thể hiện diện tích bà L trả lại là bao nhiêu, cũng như sơ đồ, vị trí kèm theo.

UBND thành phố P xác định gia đình bà L sử dụng ổn định phần diện tích đất 40.115,3m² nhưng theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang ngày 10/12/2020 và kết quả đo đạc thì phần diện tích gia đình bà L sử dụng ổn định, có nhà ở và cây trồng trên đất là 45.775,4m². Trong khi đó, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND huyện P xác định đã cấp đúng cho ông D, bà L năm 1998 lại có diện tích 33.523m².

Bà L có khiếu nại, UBND thành phố P có biên bản họp xét giải quyết nhưng không ban hành quyết định giải quyết khiếu nại; không xác định rõ lý do vì sao chỉ cấp đổi lại diện tích 33.523m²; không thẩm tra, xác định diện tích đất thực tế gia đình bà L sử dụng là bao nhiêu, đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là bao nhiêu; phần diện tích đất nào không đủ điều kiện

để được cấp lại quyền sử dụng đất. Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng trong trường hợp này, trước khi ra quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp năm 1996, Chủ tịch UBND thành phố P cần giải quyết khiếu nại của bà L; sau khi quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật, nếu phải thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp thì ra quyết định thu hồi; trường hợp gia đình bà L không giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì UBND thành phố P mới có căn cứ để ban hành quyết định huỷ bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật.

[2.6] Từ những phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết là có căn cứ, đúng quy định pháp luật; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên UBND thành phố P phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính;

Không chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố P. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 49/2021/HC-ST ngày 06/12/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Áp dụng Luật Đất đai 2013, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Mỹ L.

Huỷ Quyết định số 3048/QĐ-UBND ngày 27/6/2019 của UBND huyện P (nay là thành phố P) về việc huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I00621 QSDĐ/QĐ190/PQ đã cấp cho ông Võ Chí D.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Án phí hành chính phúc thẩm: Ủy ban nhân dân thành phố P phải chịu 300.000 đồng; được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007244 ngày 25/5/2022 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Kiên Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP. HCM;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THADS tỉnh Kiên Giang;
- ĐS (8);
- Lưu VP (3), HS (2).18b.TTPT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thanh Dũng